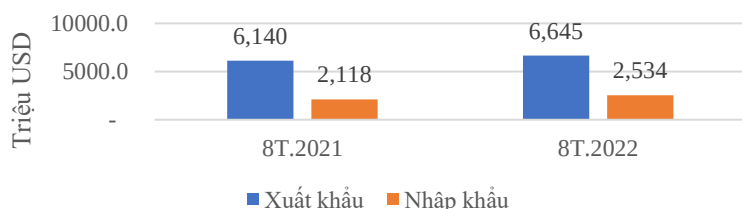


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường TRUNG QUỐC

TÌNH HÌNH CHUNG

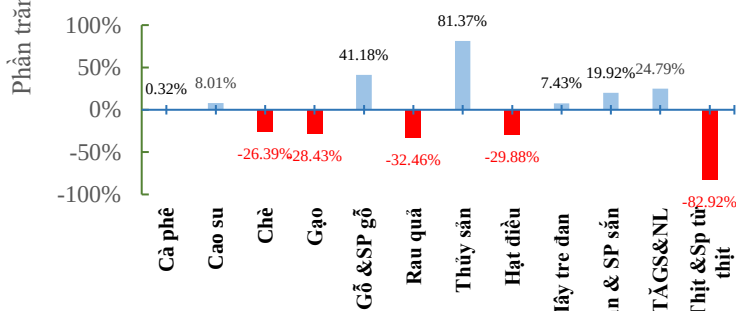
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc



So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam - Trung Quốc (8T- 2022/2021)

Xuất khẩu	▲ 08,23%
Nhập khẩu	▲ 19,65%

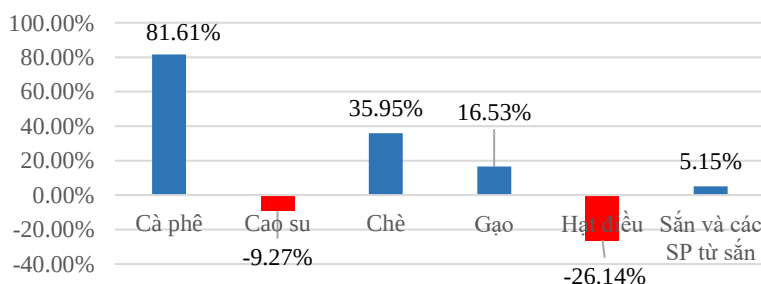
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Trung Quốc 8T năm 2022/21



So sánh 8T-2022/2021

Cà phê	▲ 00,32%
Cao su	▲ 08,01%
Chè	▼ 26,39%
Gạo	▼ 28,43%
Gỗ và SP gỗ	▲ 41,18%
Rau quả	▼ 32,46%
Thủy sản	▼ 81,37%
Hạt điều	▼ 29,88%
Mây tre đan	▲ 07,43%
Sản và SP sản	▲ 19,92%
TĂGS và NL	▲ 24,79%
Thịt & SP từ thịt	▼ 82,92%

Biến động giá xuất khẩu BQ T8.2022/T8.2021



So sánh giá xuất khẩu tháng 8.2022/2021

Cà phê	▲ 81,61%
Cao su	▼ 09,27%
Chè	▲ 35,95%
Gạo	▲ 16,53%
Hạt điều	▼ 26,14%
Sản & SP sản	▲ 05,15%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm 2022 đạt 6,65 tỷ USD, tăng 8,23% so với cùng kỳ năm 2021; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt gần 2,53 tỷ USD, tăng 19,65%. Tính riêng tháng 8/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 964,2 triệu USD, tăng 21,0% so với tháng trước và tăng 38,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 8/2022 là gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 29,1% tổng giá trị xuất khẩu NLTS chính), cao su (chiếm 25,0%), thủy sản (chiếm 14,8%), rau quả (chiếm 9,8%), sắn và sản phẩm sắn (chiếm 9,4%), hạt điều (chiếm 4,6%). So với tháng 7/2022, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: gạo (tăng 82,1%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 34,3%), thủy sản (tăng 33,3%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 21,2%), rau quả (tăng 19,0%), sắn và sản phẩm sắn (tăng 12,7%), cao su (tăng 9,5%), mây tre đan (tăng 4,3%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là cà phê (giảm 31,9%), chè (giảm 7,6%), hạt điều (giảm 3,1%). So với cùng kỳ, các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng bao gồm: xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 197,3%), thủy sản (tăng 101,0%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 21,8%), chè (tăng 18,7%), sắn và sản phẩm sắn (tăng 14,0%), mây tre đan (tăng 11,3%), cao su (tăng 8,7%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là cà phê (giảm 35,1%), gạo (giảm 30,6%), hạt điều (giảm 9,4%), rau quả (giảm 8,4%). *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 07.09.2022, tổng số phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 327 xe, trong đó xe chở hoa quả là 236 xe hoa quả và 91 xe hàng khác. Cụ thể: (i) tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, còn tồn 26 xe (01 xe tại khu trung chuyển và 25 xe tại cửa khẩu Hữu Nghị), trong đó có 12 xe hoa quả; (ii) tại cửa khẩu phụ Tân Thanh còn tồn 290 xe (tại bãi Bảo Nguyên 155 xe, khu phi thuế quan 135 xe), trong đó có 225 xe hoa quả (tất cả đều được chở bằng container lạnh), 65 xe tinh bột sắn; (iii) tại cửa khẩu chính Chi Ma còn tồn 11 xe hạt sen và bột sắn.

Tình trạng thiếu mưa trên khắp miền nam Trung Quốc kể từ tháng 7 đã khiến mực nước giảm với tốc độ nhanh chưa từng thấy, các ao và hồ chứa gần đây đều đã cạn khô. Theo giới khoa học, thời tiết cực đoan sẽ chỉ ngày càng trở nên tồi tệ và phổ biến hơn, cùng với biến đổi khí hậu, đang gây ra không ít khó khăn cho nông dân cũng như chính phủ Trung Quốc. Cái nóng gay gắt của mùa hè cũng tạo điều kiện thuận lợi cho những loài sâu bệnh hiếm gặp phát triển. Sản lượng ngũ cốc ở Giang

Tây, cùng với các tỉnh khác ở trung và hạ lưu sông Dương Tử như Hồ Nam và An Huy, đang đối mặt nguy cơ cao. Các tỉnh khác như Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Hà Nam và Quý Châu, cũng bị ảnh hưởng không nhỏ.

Theo Cơ quan Thống kê quốc gia Trung Quốc (NBS), Chỉ số giá sản xuất (PPI) của nước này, thước đo chi phí hàng hóa tại cửa nhà máy, trong tháng 8/2022 đã tăng 2,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Con số này được điều chỉnh từ mức tăng 4,2% trong tháng 7/2022 so với cùng kỳ năm trước. So với tháng 7/2022 chỉ số PPI của Trung Quốc đã giảm 1,2% trong tháng 8/2022. Bị ảnh hưởng bởi thời tiết nóng nực, hạn hán, chỉ số PPI của ngành sản xuất và cung cấp điện, nhiệt của Trung Quốc đã tăng 0,3% trong tháng 8/2022 so với mức giảm 1,1% trong tháng 7/2022. Theo NBS, tác động của biến động giá cả năm ngoái đã đóng góp khoảng 2,5 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng PPI trong tháng 8/2022 so với cùng kỳ năm ngoái. Dữ liệu được công bố ngày 9/9 cũng cho thấy Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Trung Quốc, thước đo chính của lạm phát, trong tháng 8/2022 đã tăng 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

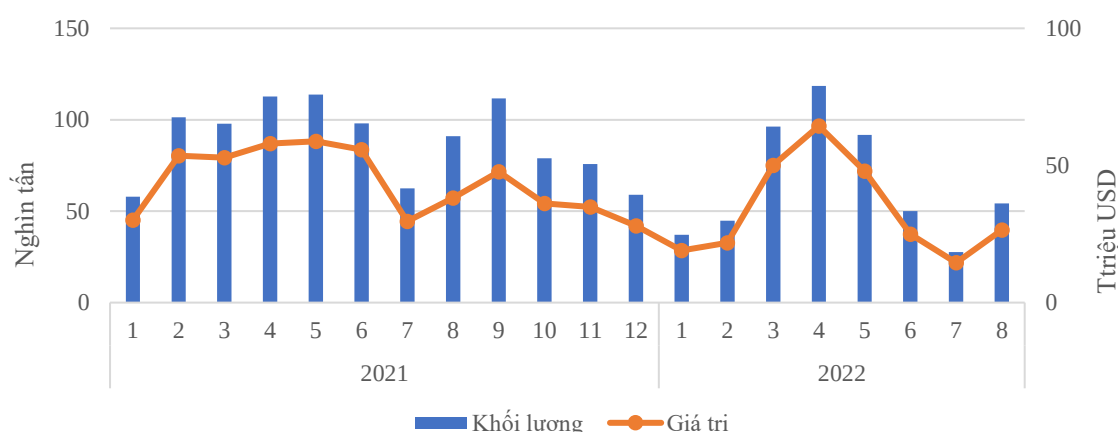
Theo UNDESA, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc dự báo sẽ chậm lại, đạt khoảng 4% năm 2022. IMF nhận định nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục suy giảm mặc dù có sự phục hồi sau các đợt phong tỏa vào nửa cuối năm 2022, theo đó tăng trưởng GDP của quốc gia này được dự báo đạt 3,3% năm 2022. ADB dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc năm 2022 đạt 3,3%, điều chỉnh giảm 1,7 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 4/2022. Đây là lần đầu tiên trong hơn 3 thập kỷ dự báo tăng trưởng của Trung Quốc tăng chậm hơn dự báo tăng trưởng chung của các nước châu Á đang phát triển. Fitch Ratings dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc đạt 2,8% năm 2022, điều chỉnh giảm 0,9 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 6/2022. Theo OECD, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc năm 2022 bị điều chỉnh giảm mạnh, từ mức 4,4% theo dự báo trong tháng 6/2022 xuống còn 3,2%, giảm 1,2 điểm phần trăm. WB dự báo tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc chỉ đạt 2,8% năm 2022, điều chỉnh giảm 2,2 điểm phần trăm từ mức 5,0% của dự báo trong tháng 4/2022.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2022, Việt Nam xuất khẩu được 54,2 nghìn tấn gạo, trị giá 26,5 triệu USD sang Trung Quốc, tăng 96,3% về khối lượng và 82,1% về giá trị so với tháng trước, và giảm 40,4% về khối lượng và 30,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2022 đạt 520,4 nghìn tấn, trị giá 269,2 triệu USD, giảm 29,1% về khối lượng và 28,4% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

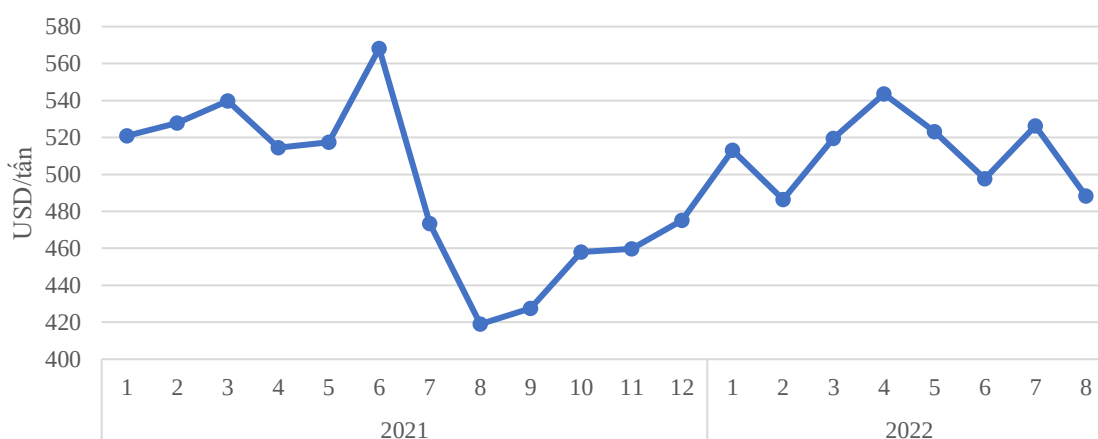
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2022 đạt 488,2 USD/tấn, giảm 7,2% so với tháng trước, nhưng tăng 16,5% so với cùng kỳ năm 2021.

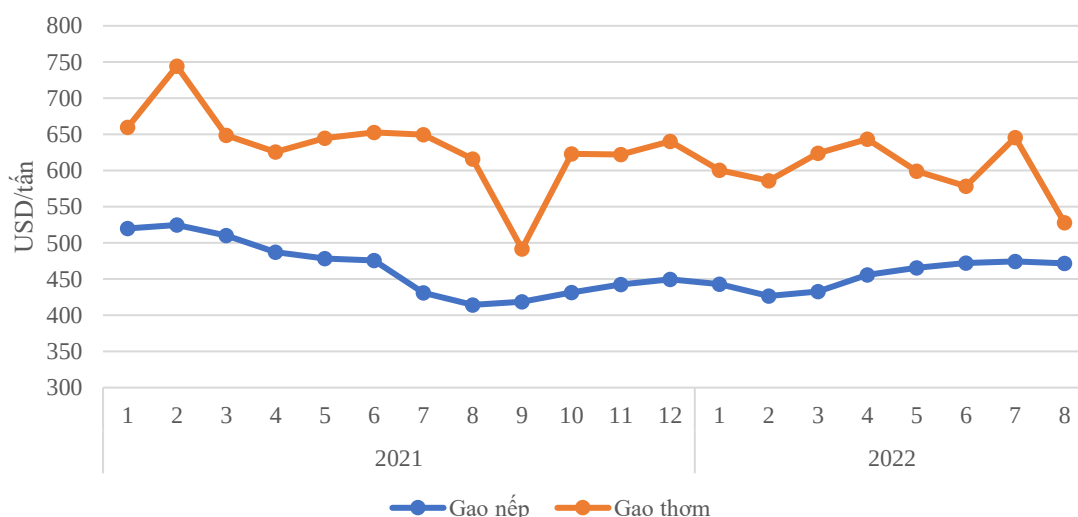
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2022, gạo nếp là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc với kim ngạch 36,0 nghìn tấn và 17,0 triệu USD (chiếm 66,4% về khối lượng và 64,1% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo nếp đã giảm 57,5% về khối lượng và 51,8% về giá trị. Giá xuất khẩu gạo nếp đạt 471,8 USD/tấn, giảm 0,6% so với tháng trước nhưng tăng 13,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc



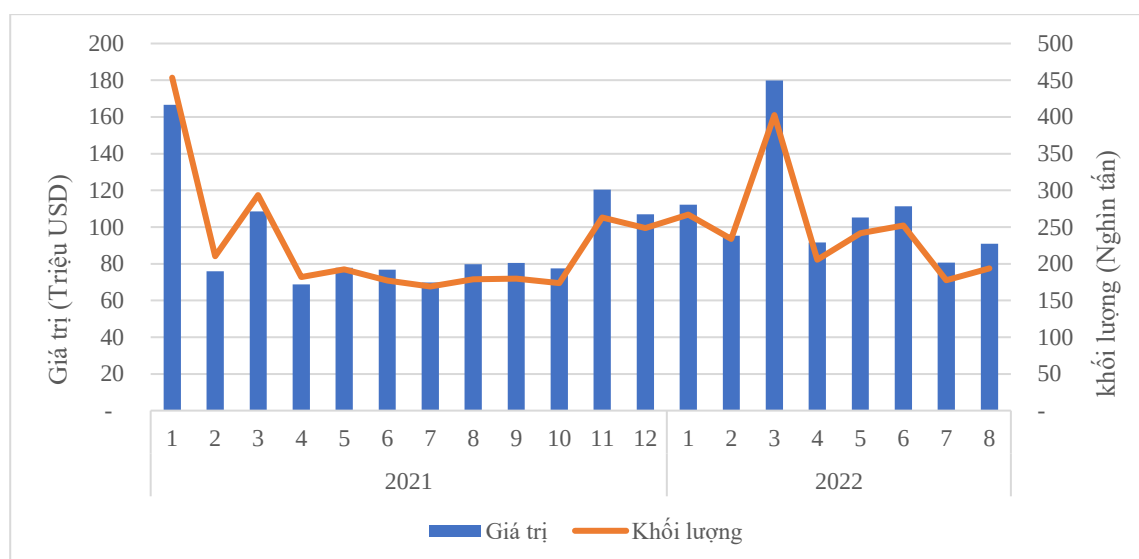
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ nông nghiệp ngành sản Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tổng lượng nhập khẩu và giá trị nhập khẩu sản lát của Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2022 là 5,623 triệu tấn, trị giá đạt 1,603 tỷ USD, tăng 55,26% về khối lượng và tăng 60,86% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Trong kỳ, nguồn nhập khẩu sản lát của Trung Quốc chủ yếu là Thái Lan và Việt Nam, lượng sản lát nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 8,79% tổng lượng sản lát nhập khẩu của Trung Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2022, Việt Nam xuất khẩu được 193,89 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 90,9 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, tăng 9,1% về khối lượng và 12,74% về giá trị so với tháng 7/2022; tăng 8,4% về khối lượng và 14% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2022, khối lượng xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang thị trường này đạt gần 1,95 triệu tấn, trị giá 858,2 triệu USD, tăng 6,8% về khối lượng và tăng 19,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

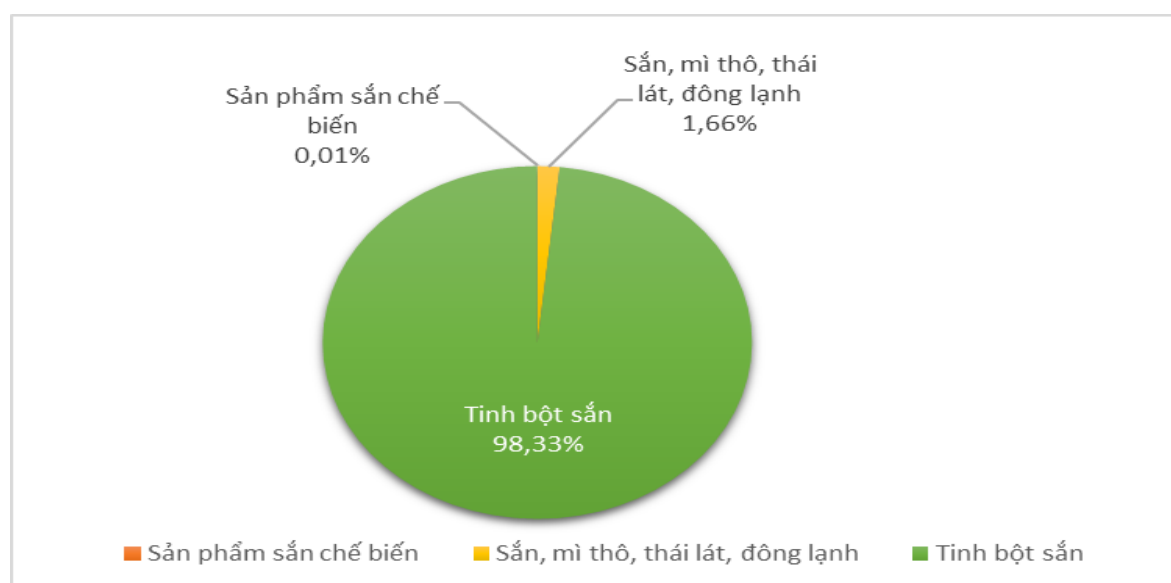
Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 93,87% về khối lượng và 93,94% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 8 năm 2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 89,39 triệu USD, chiếm 98,3% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 22,65% so với tháng trước và 18,4% so với cùng kỳ năm 2021. Sắn lát, đông lạnh đạt 1,51 triệu USD (chiếm 1,7%), giảm 80,51% so với tháng trước và 64,6% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm sắn chế biến đạt 6,46 nghìn USD chiếm tỷ lệ rất nhỏ chỉ 0,01%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

3. RAU QUẢ

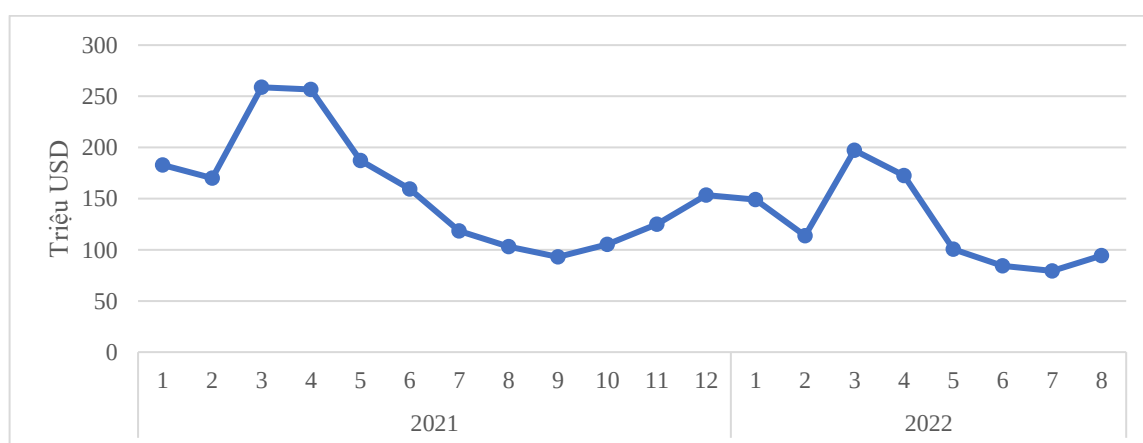
Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, từ ngày 7/9/2022, quả kiwi của Ý sẽ được phép xuất khẩu sang Trung Quốc bằng tàu lạnh. Quả kiwi phải được vận chuyển trong một cabin riêng, không vận chuyển loại hàng hóa khác và không vận chuyển cùng hàng hóa sang quốc gia, khu vực khác.

Theo Tổ chức Táo và Lê Thế giới (WAPA), sản lượng táo của Trung Quốc trong mùa vụ 2022/23 sẽ giảm khoảng 20% so với dự kiến và ít hơn bình trung bình hàng năm khoảng 9 triệu tấn.

Trong tháng 8/2022, khối lượng tỏi tươi và tỏi đông lạnh xuất khẩu của Trung Quốc đạt 175.800 tấn, giảm 27,6% so với tháng trước và giảm 26,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 8 tháng đầu năm 2022, khối lượng xuất khẩu tỏi của Trung Quốc đạt 1,23 triệu tấn, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường xuất khẩu tỏi lớn nhất là: Indonesia, Việt Nam, Malaysia, Philippines, Pakistan, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Thái Lan, Bangladesh, Myanmar và Sri Lanka.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 8 năm 2022 đạt 94,4 triệu USD, chiếm 34,6% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 19,0% so với tháng trước và giảm 8,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 8 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 967,5 triệu USD (chiếm 44,1% thị phần), giảm 32,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc



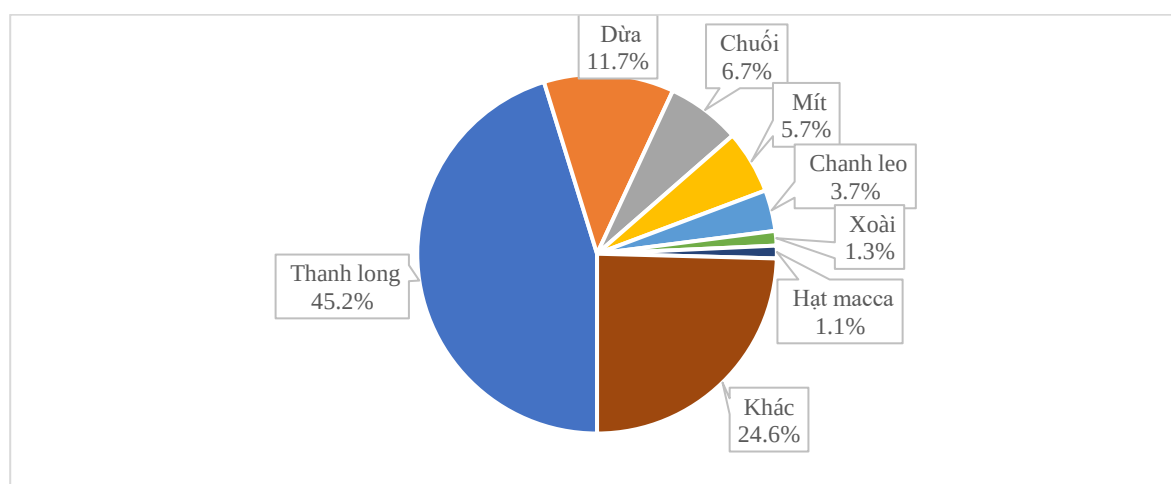
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 8 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 71,8 triệu USD (chiếm 76,1% thị phần, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm 2021) và rau quả chế biến đạt gần 22,5 triệu USD (chiếm 23,9%), tăng 10,3%. So sánh với cùng kỳ năm 2021, trái cây đông lạnh,

sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 15,3 triệu USD, tăng 24,1%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 7,2 triệu USD, tăng 1,5%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 1,0 triệu USD, tăng 16,5%; v.v.

Trong tháng 8 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: thanh long đạt 42,7 triệu USD (chiếm 45,2% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), giảm 24,7% so với cùng kỳ năm 2021; dứa đạt 11,0 triệu USD (chiếm 11,7%), tăng 105,3%; chuối đạt 6,3 triệu USD (chiếm 6,7%), giảm 11,7%; mít đạt 5,4 triệu USD (chiếm 5,7%), giảm 15,0%; chanh leo đạt 3,5 triệu USD (chiếm 3,7%), giảm 24,0%; xoài đạt 1,2 triệu USD (chiếm 1,3%), giảm 5,5%; hạt mắc ca đạt 1,1 triệu USD (chiếm 1,1%), tăng 547,3%; v.v.

Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 8/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 8 năm 2022 đạt 85,5 triệu USD, chiếm 43,4% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 144,2% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 8 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 472,8 triệu USD, chiếm 37,6% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 74,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 8/2022, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: nấm các loại đạt 18,1 triệu USD (chiếm 21,1% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 437,8% so với cùng kỳ năm trước; tỏi đạt 12,0 triệu USD (chiếm 14,1%); cà rốt đạt gần 9 triệu USD (chiếm 10,5%), tăng 223,4%; nho đạt 7,3 triệu USD (chiếm 8,6%), tăng 534,7%; hành các loại đạt 4,3 triệu USD (chiếm 5,0%), tăng 102,0%; v.v.

4. CÀ PHÊ

Trong tổng số 21.450 tấn cà phê của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 6 tháng đầu năm 2022, lượng cà phê nhân là 13.098 tấn (24 triệu USD), cà phê rang

xay, hòa tan, 3 trong 1 là khoảng 8.352 tấn (41 triệu USD), chiếm 62% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc.

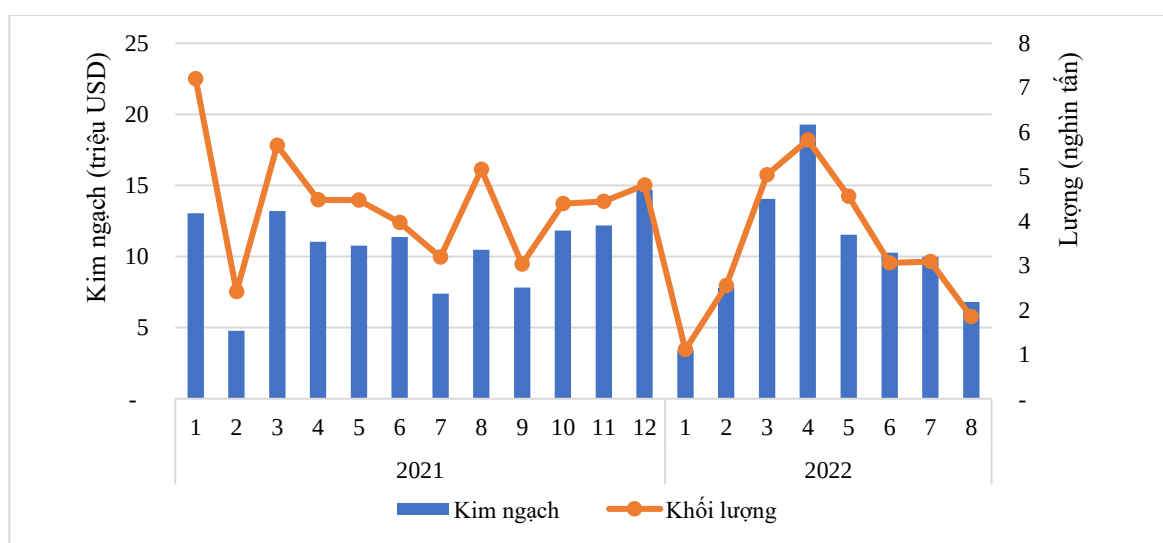
Hiện nay, ngoài nhập khẩu cà phê của Việt Nam, Trung Quốc còn nhập khẩu cà phê từ nhiều thị trường khác như Brazil, Indonesia, và nhập cà phê chế biến sẵn từ Mỹ, các nước châu Âu. Trong khi cà phê từ các nước trên thế giới mà các thương nhân Trung Quốc nhập khẩu về bình quân 3.600 USD/tấn, thì nhập khẩu từ Việt Nam chỉ với giá bình quân 2.250 USD/tấn.

Nguyên nhân do cà phê của Việt Nam xuất sang Trung Quốc vẫn chủ yếu là cà phê Robusta dưới dạng thô (cà phê nhân), thường có giá thấp trên thị trường cà phê thế giới. Xuất khẩu thô nhiều cũng là nguyên nhân khiến người tiêu dùng Trung Quốc chưa hiểu rõ tầm ảnh hưởng của cà phê Việt Nam. Trong khi Trung Quốc được đánh giá là thị trường trị giá hàng trăm tỷ USD. Ưu thế của Việt Nam lại là nước láng giềng, lân cận nên vận chuyển thuận lợi hơn, cung đường ngắn hơn.

Các doanh nghiệp ở Trùng Khánh hiện chủ yếu nhập cà phê Robusta của Việt Nam về để chế biến, pha trộn vì có lợi thế về giá, vận chuyển. Hiện, quy mô cà phê của Trùng Khánh đạt khoảng 3-5 tỷ Nhân dân tệ/năm nên nhu cầu nhập khẩu lớn. Để tận dụng được thị trường Trung Quốc thì ngoài bán thô, Việt Nam cần nâng cao năng lực chế biến, bởi vì người dân Trung Quốc đang ngày càng ưa chuộng cà phê chế biến sâu, cà phê pha chế sẵn chất lượng cao.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 8/2022 ước đạt 1,8 nghìn tấn với trị giá 6,8 triệu USD, giảm 40,2% về lượng và 31,9% về giá trị so với tháng trước, và giảm 64,3% về lượng và 35,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

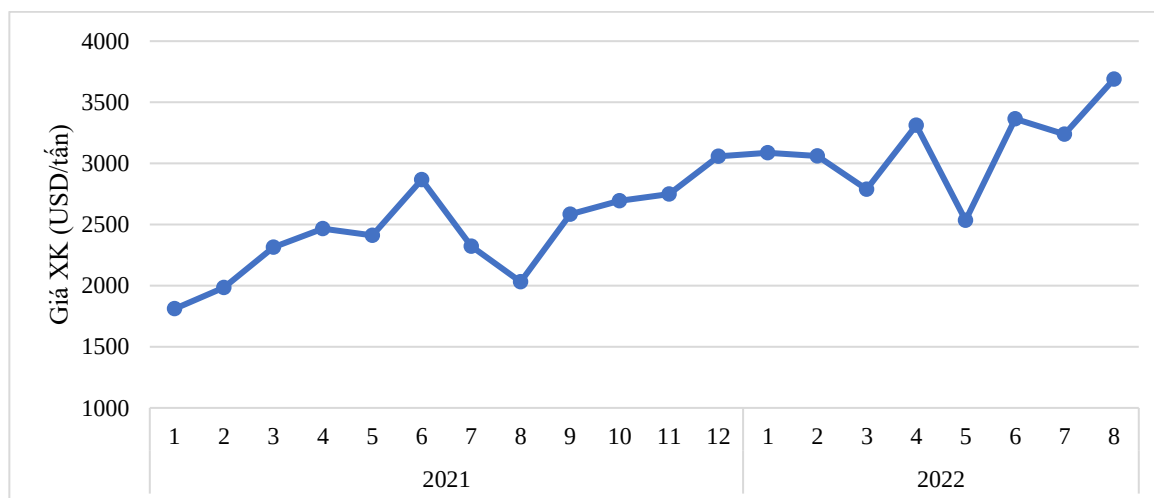
Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc đạt 3.690 USD/tấn, tăng 13,9% so với tháng trước và tăng 81,6% so với cùng kỳ năm trước.

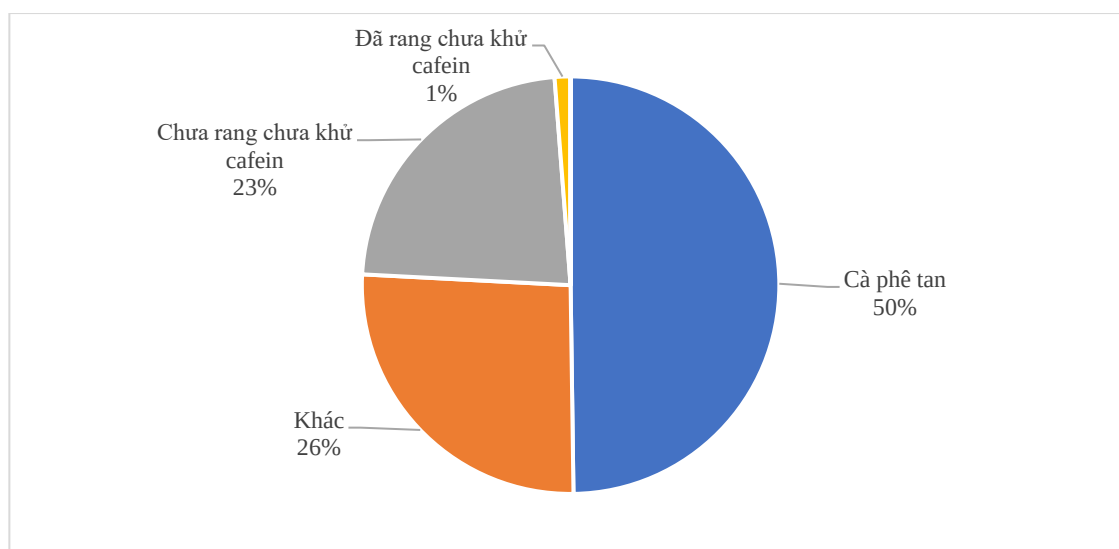
Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2022, cà phê tan là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 3,4 triệu USD, chiếm 49,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê chưa rang chưa khử cafein với kim ngạch 1,6 triệu USD, chiếm 22,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 10: Chứng loại cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc theo kim ngạch tháng 8/2022



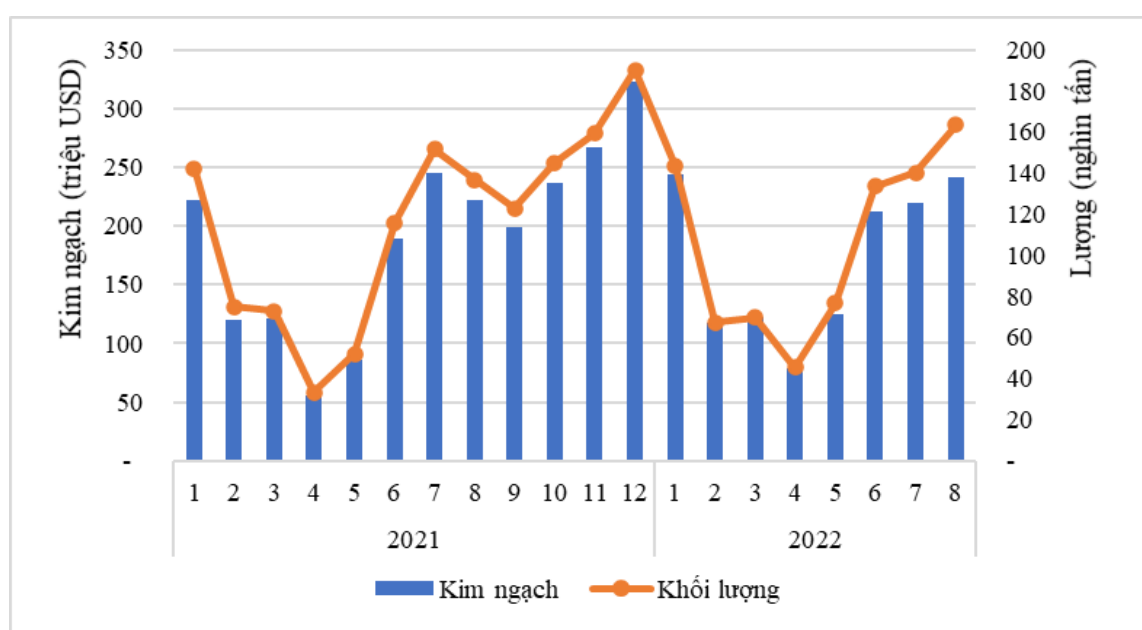
Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. CAO SU

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 8/2022, Trung Quốc nhập khẩu 592,3 nghìn tấn cao su tự nhiên và tổng hợp (kể cả mủ cao su), với trị giá 1,07 tỷ USD, tăng 2,2% về lượng và tăng 0,8% về trị giá so với tháng 7/2022; so với tháng 8/2021 tăng 12% về lượng và tăng 10,1% về trị giá. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 4,56 triệu tấn cao su tự nhiên và tổng hợp, trị giá 8,55 tỷ USD, tăng 5,1% về lượng và tăng 10,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 08/2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc ước đạt 164 nghìn tấn với trị giá 241 triệu USD, tăng 16,8% về khối lượng và 9,5% về giá trị so tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021 tăng 19,8% về khối lượng và 8,7% về giá trị.

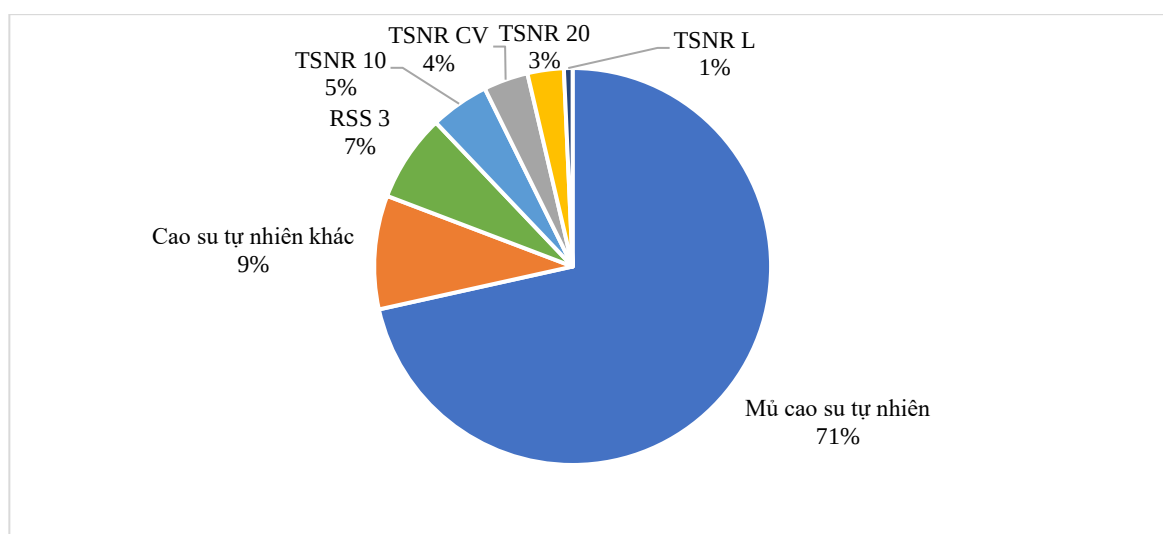
Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 08/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 30,1 triệu USD, chiếm 71,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là RSS 3 với kim ngạch gần 3 triệu USD, chiếm 7,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10, TSNR CV và TSNR 20 chiếm lần lượt 4,8%, 3,6% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là TSNR 20 và RSS L chiếm lần lượt là 3% và 0,7% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

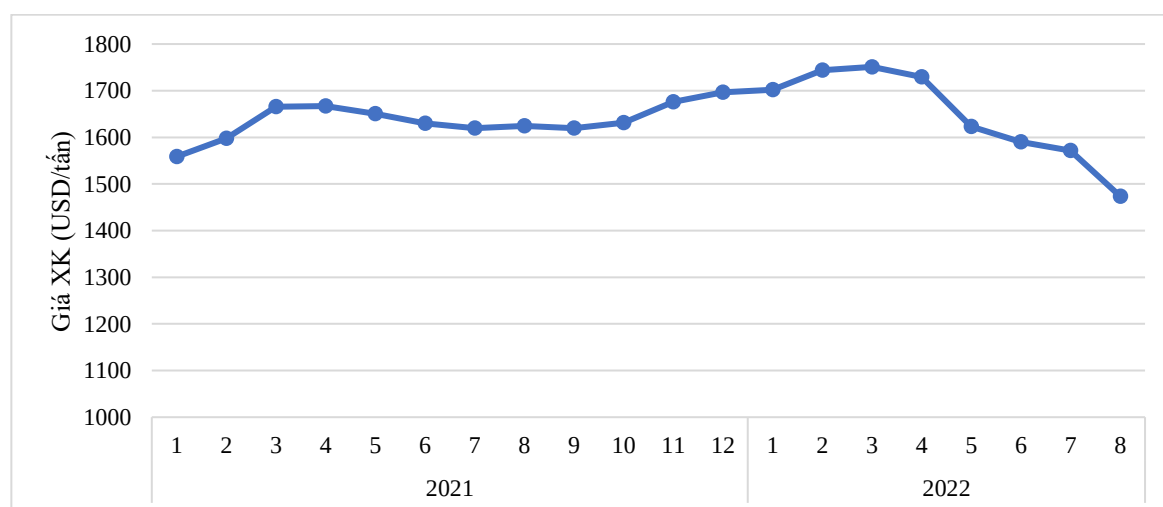
Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 08/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 08/2022 đạt mức 1.474 USD/tấn, giảm 6,2% so với tháng trước và giảm 9,3% so với cùng kỳ 2021.

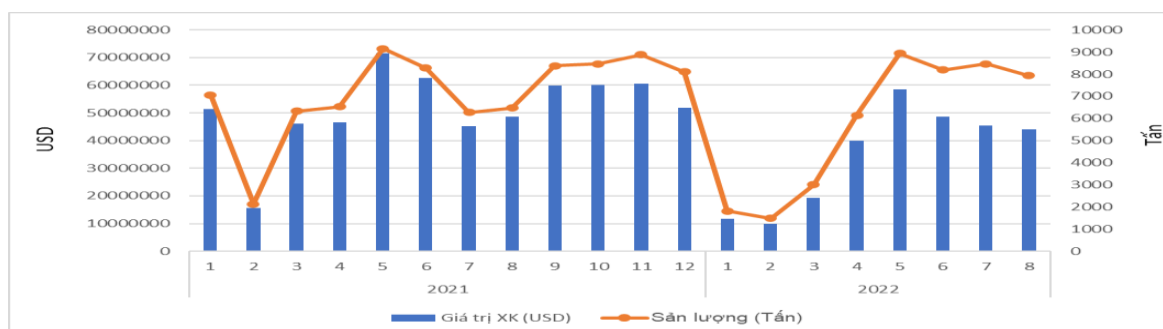
Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

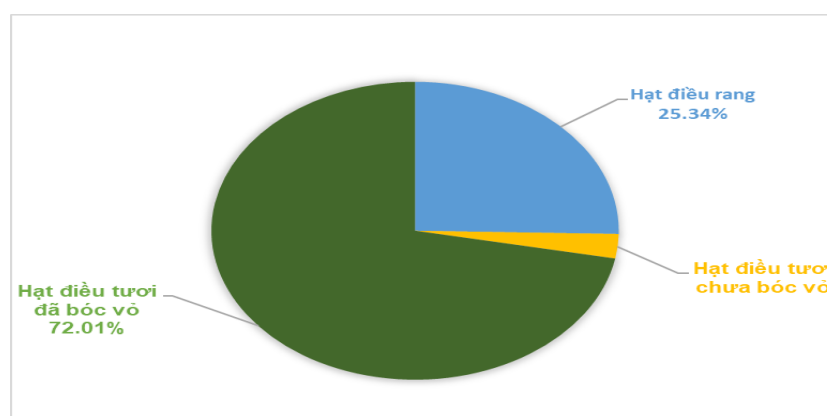
6. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2022, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 7,94 nghìn tấn, trị giá 44,02 triệu USD, giảm 6,3% về khối lượng và giảm 3,1% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc tăng 22,6% về khối lượng và giảm 9,4% về giá trị.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc

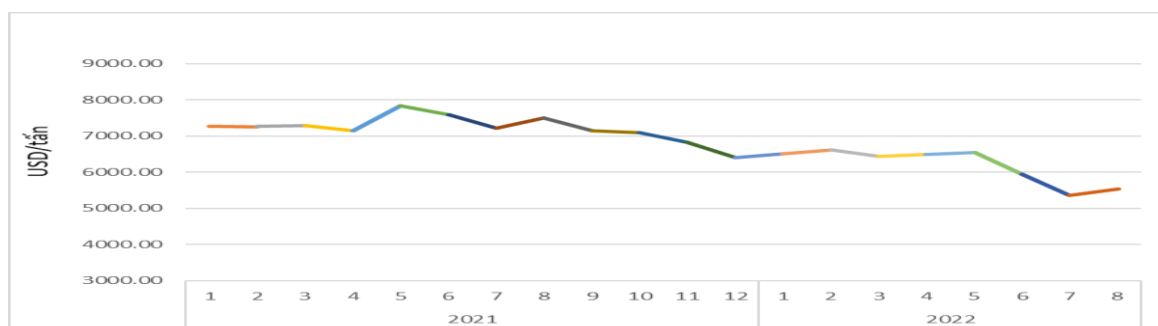
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 72,01% đạt 31,6 triệu USD giảm 5% so với tháng trước và tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2021. Đứng thứ 2 là hạt điều rang chiếm 25,34% đạt 11,1 triệu USD, cuối cùng là hạt điều tươi chưa bóc vỏ đạt 1,2 triệu USD chiếm 2,64%.

Hình 15: Cơ cấu giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2022 duy trì ổn định. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 5.542 USD/tấn, tăng 3,4% so với tháng trước và giảm 26,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

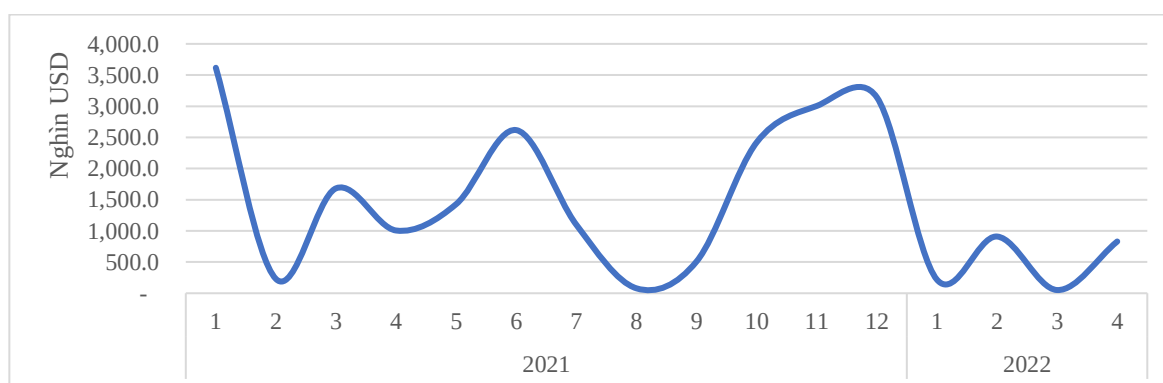
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 5,6 USD/kg giảm 9,4% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,3% so với tháng trước. Hạt điều rang đạt 12,5 USD/Kg, giảm 38,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 62,8% so với tháng trước. Hạt điều tươi chưa bóc vỏ đạt 1 USD/kg giảm 10,9% so với tháng trước.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dẫn số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc cho biết nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc tiếp tục giảm mạnh trong tháng 7. Cụ thể, Trung Quốc nhập khẩu 120.000 tấn thịt heo (HS 0203), trị giá 260,66 triệu USD, giảm 65,1% về lượng và giảm 74,7% về giá trị so với năm ngoái. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc đạt 930.000 tấn, trị giá 1,87 tỷ USD, giảm 65% về lượng và giảm 75,3% về trị giá. Tiêu thụ thịt heo của Trung Quốc, mặc dù ở mức cao đáng kể, nhưng đã gặp phải một số trở ngại trong những năm gần đây. Theo số liệu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), tiêu thụ bình quân đầu người đạt 30,3 kg vào năm 2019 sau khi đạt đỉnh 32,7 kg vào năm 2014, tăng gấp đôi so với mức 15 kg vào năm 1990.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khi đó, về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 8/2022 có xu hướng tăng đạt 981,57 nghìn USD, tăng 49% so với tháng trước.

Theo báo cáo mới nhất của USDA về thị trường Trung Quốc, sản lượng heo năm 2023 của nước này dự kiến đạt 675 triệu con. Sự sụt giảm của giá heo và thịt heo trong năm 2021 và nửa đầu năm 2022 đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng, đặc biệt là đối với các hộ chăn nuôi lớn có vốn đầu tư đáng kể. Tuy nhiên, các nhà sản xuất lớn vẫn

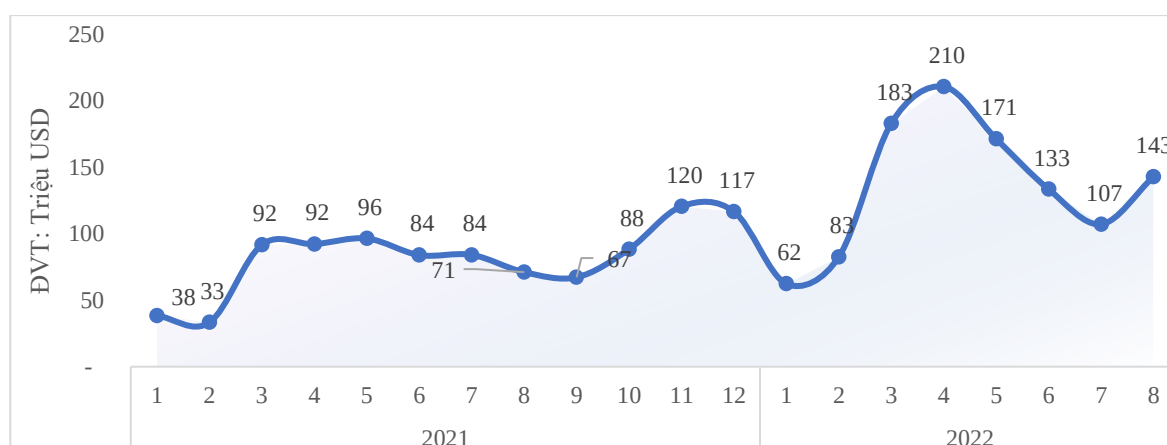
kiên định ngay cả khi lỗ ngày càng gia tăng và dự kiến sẽ đạt mục tiêu sản xuất vào năm 2023 để duy trì thị phần. Các nhà sản xuất quy mô nhỏ dự kiến sẽ mở rộng sản xuất vào năm 2023 với giá heo hơi và thịt heo ổn định. Nhập khẩu heo giống Trung Quốc vào năm 2023 ước đạt khoảng 5.000 con. Nhập khẩu sẽ bị áp lực bởi giá heo hơi và thịt heo thấp hơn vào năm 2023. Ngoài ra, chi phí vận chuyển cao hơn, các yêu cầu kiểm dịch và kiểm tra nhập khẩu nghiêm ngặt, và các hạn chế COVID-19 đang diễn ra đối với các hãng hàng không vào Trung Quốc dự kiến sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu.

8. THỦY SẢN

Thời tiết xấu và dịch bệnh trên tôm bùng phát khiến thu hoạch tôm ở phía Nam Trung Quốc trong vụ hè năm nay giảm. Tỷ lệ tôm sống giảm xuống mức 20 - 30% ở một số khu vực khi dịch bệnh trên tôm do vi khuẩn vibrio gây ra bùng phát. Nhiệt độ cao và mưa bất chợt khiến bệnh do vi khuẩn vibrio và các dịch bệnh trên tôm khác lây lan mạnh. Nguồn cung thấp trong khi nhu cầu nội địa đối với tôm tươi sống cao khiến giá tôm tại đầm tăng trong suốt mùa hè và đạt mức cao kỷ lục với một số cỡ. Trong tháng 7/2022, giá tại đầm tôm chân trắng tại tỉnh Quảng Đông đạt trung bình 56,75 NDT/kg (tương đương 8,43 USD/kg), tăng 38% so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi đó, sản xuất tôm ở miền Bắc Trung Quốc khả quan hơn, nên tổng sản lượng tôm của Trung Quốc vẫn ổn định. Người nuôi tôm ở miền Nam có xu hướng chuyển sang nuôi tôm sú để có thể đạt tỷ lệ sống cao hơn.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2022 đạt 142,4 triệu USD, tăng 101% so với cùng kỳ năm trước, và 33,3% so với tháng 7/2022, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 1,1 tỷ USD tăng 84,9% so với cùng kỳ năm 2021.

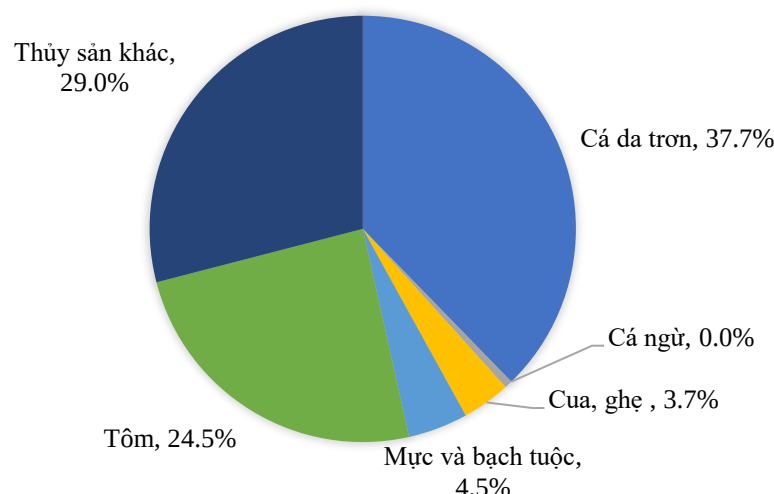
Hình 18: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2022, cá da trơn và tôm vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 24,4%; cá da trơn chiếm 37,7%. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng tăng trưởng trở lại do chính sách Zero Covid của Trung Quốc đang được nới lỏng và nhu cầu tiêu thụ của nước này đang tăng cao đặc biệt là dịp cuối năm.

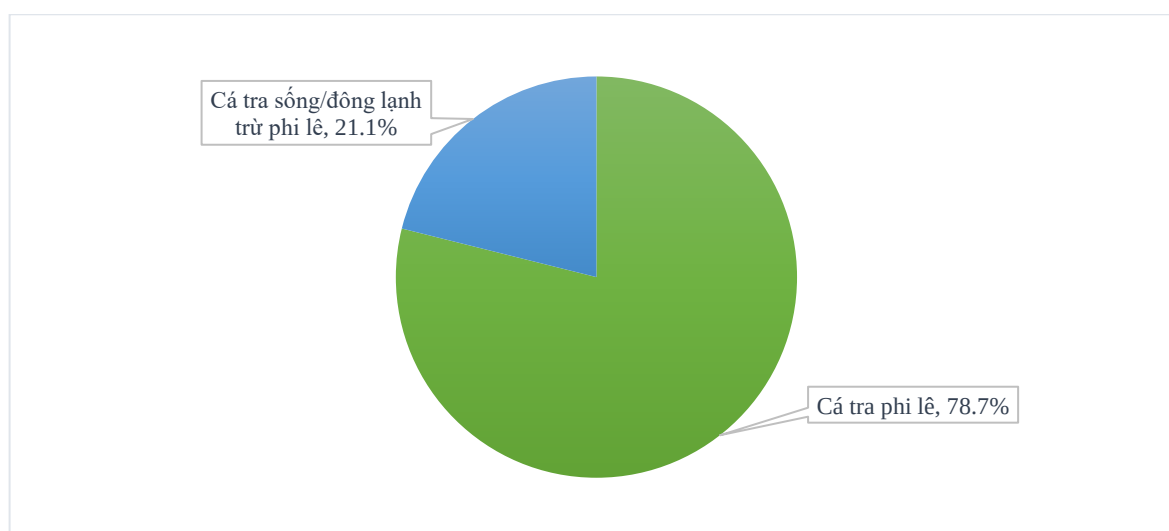
Hình 19: Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 8/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này có xu hướng tăng mạnh trở lại, tăng 35% so với tháng trước và 158,5% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị xuất khẩu cá da trơn trong tháng này đạt 53,9 triệu USD, chiếm 37,7% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 78,7%, đạt 42,4 triệu USD, tăng 122,9% so với tháng 8/2021 và 66,4% so với 7/2022; cá tra sống/đông lạnh (trừ phi lê) chiếm 21,1%, đạt 11,4 triệu USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước.

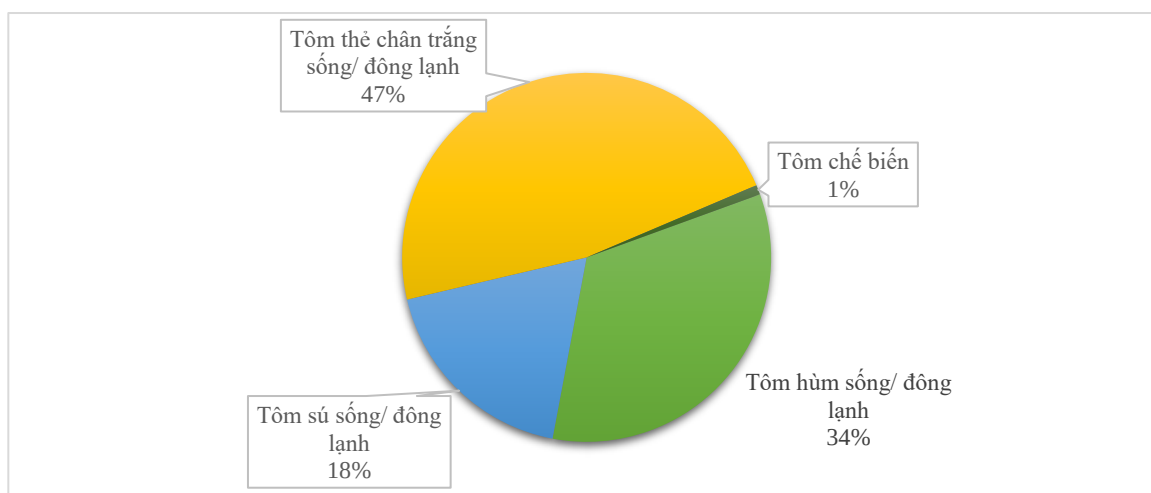
Hình 20: Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 8/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường đạt 34,9 triệu USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước và 14,1% so với tháng trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 16,5 triệu USD, chiếm 47,3% và giảm 29,1% so với cùng kỳ năm 2021; tôm, hùm sống đông lạnh đạt 11,7 triệu USD, chiếm 33,5%, tăng 1279,5%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 6,4 triệu USD, chiếm 18,4%, tăng 7,9%; tôm chế biến đạt 0,3 triệu USD, chiếm 0,8 % và giảm 63,2%.

Hình 21: Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 8/2022 như sau: Mực và bạch tuộc đạt 6,5 triệu USD, chiếm 4,5 % tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc và tăng 55,9% so với cùng kỳ năm trước; cua – ghẹ đạt 5,2 triệu USD, chiếm 3,7%, tăng 9,6%; thủy sản khác đạt 41,5 triệu USD, chiếm 29%, tăng 311,2%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 8/2022 như sau: cá da trơn đạt 2,3 USD/kg, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,1% so với tháng 7/2022; tôm đạt 12 USD/kg, tăng 63,7% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 58,7% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 8/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2.3	26.5%	1.8%
2	Cua, ghẹ	8.6	13.9%	4.6%
3	Mực và bạch tuộc	3.0	23.0%	-11.7%
4	Tôm	12.0	63.7%	58.7%

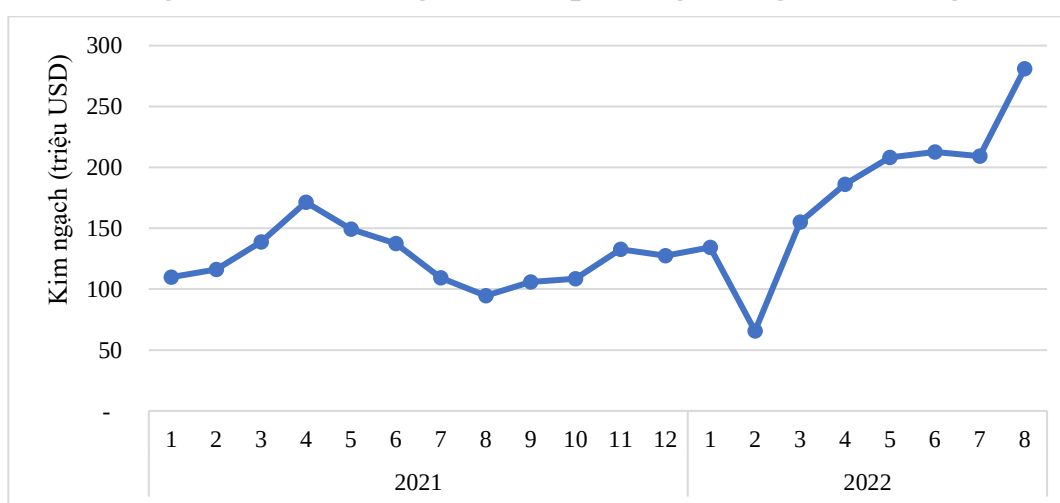
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Bộ Công Thương cho biết Việt Nam đánh thuế từ 21,4% đến 35,2% trong 4 tháng bắt đầu từ giữa tháng 10 đối với một số mặt hàng nội thất gỗ có xuất xứ từ Trung Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 08/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 281,0 triệu USD, tăng 34,3% so với tháng trước và 197,3% so với cùng kỳ năm 2021.

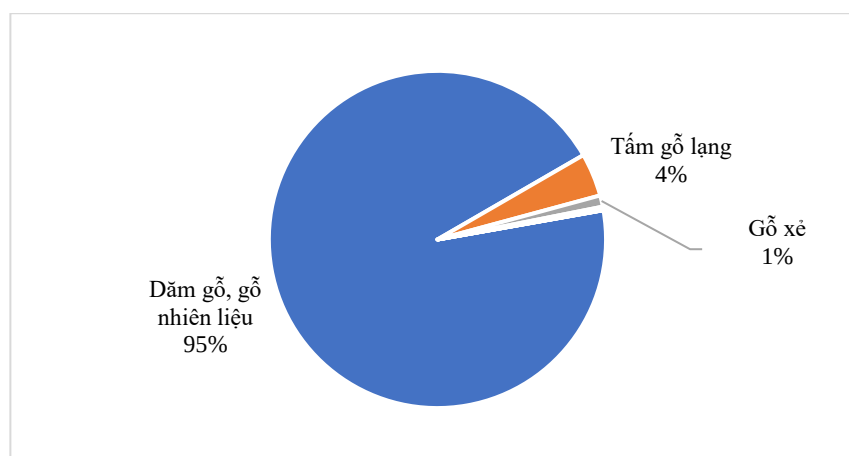
Hình 22: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 08/2022, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 264,1 triệu USD, chiếm 94,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 11,6 triệu USD, chiếm 4,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 1,1% và 0,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 23: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 08/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Tổng cục Hải quan Trung Quốc cho biết trong 8 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc đã nhập khẩu khoảng 4,56 triệu tấn gạo, tăng 42,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân nhập khẩu nhiều không bắt nguồn từ hiện tượng hạn hán gần đây, mà là do giá gạo thế giới có xu hướng giảm so với lúa mỳ nên Trung Quốc tăng cường nhập khẩu để dự trữ làm thức ăn chăn nuôi.

Ngoài ra, Trung Quốc vẫn khẳng định mặc dù phía nam hạn hán nhưng ở phía bắc – khu vực sản xuất lúa gạo chính, vẫn có đủ nước tưới, nên sản lượng chung của Trung Quốc sẽ không có nhiều tác động.

2. Cà phê

Tại thị trường Trung Quốc, cà phê hòa tan, cà phê chế biến sẵn đang chiếm thị phần lớn nhờ sự tiện lợi trong việc sử dụng. Nhu cầu tiêu thụ cà phê tại Trung Quốc đang tăng với tốc độ trung bình 15%/năm vì nhu cầu thưởng thức cà phê của người dân tăng. Chính vì vậy, tiềm năng nhập khẩu cà phê Việt Nam của Trung Quốc còn rất lớn. Tuy nhiên, theo Vicofa, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong những tháng cuối năm sẽ đối mặt với khó khăn do chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc.

3. Rau quả

Theo đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit), bình quân kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt khoảng 250-260 triệu USD/tháng trong 8 tháng đầu năm. Với đà tăng trưởng này, xuất khẩu rau quả năm 2022 khó có thể chạm mốc 3,5 tỷ USD và con số khả quan là 3,1 - 3,2 tỷ USD, tương đương giảm 10% so với năm 2021. Nguyên nhân là do Trung Quốc vẫn đang duy trì chính sách Zero COVID, trong khi các thị trường khác như EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc tăng trưởng tốt nhưng giá trị không cao, không thể bù đắp cho khoảng trống ở thị trường Trung Quốc.

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sẽ bùng nổ trong năm 2023, đặc biệt ở thị trường Trung Quốc. Đợt hạn hán vừa qua ở Trung Quốc khiến nhiều diện tích cây thanh long, trái cây bị hư hại, do vậy nước này sẽ tăng nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước. Ngoài ra cho đến chính vụ sầu riêng (tháng 4,5/2023) Việt Nam sẽ tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để Trung Quốc cấp thêm mã vùng trồng, cơ sở đóng gói. Việc xuất khẩu loại quả có giá trị cao này sẽ giúp kim ngạch chung tăng trưởng mạnh.

4. Thủy sản

Nhu cầu nhập khẩu tôm đang tăng cao trong giai đoạn gần đây do nhu cầu trong nước tăng kéo theo việc sản xuất nội địa của quốc gia này đang gặp nhiều hạn chế do thời tiết không thuận lợi dẫn đến việc sản lượng trong nước này sụt giảm. Thị trường Trung Quốc mặc dù đã mở cửa trở lại và nới lỏng các quy định liên quan đến Covid-19 tại các cảng biển nhưng quy định về hàng nhập khẩu đông lạnh vẫn rất khắt khe, tạo ra không ít khó khăn cho doanh nghiệp.

Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Trung Quốc trong các tháng cuối năm nay dự kiến tiếp tục tăng mặc dù không duy trì được đà tăng trưởng mạnh như các tháng trước đó.

Các nhà nhập khẩu tôm của Trung đang phải đối mặt với nhiều khó khăn do chính sách hạn chế để phòng dịch Covid-19 của nước này, chi phí vận chuyển tăng, đồng nhân dân tệ mất giá. Do vậy, nếu áp lực tài chính của các nhà nhập khẩu tôm Trung Quốc không được giải tỏa, nhập khẩu tôm nói chung của Trung Quốc có thể giảm trong thời gian tới.

5. Cao su

Trung Quốc đang phải đối mặt với khủng hoảng bất động sản, các đợt nắng nóng làm gián đoạn hoạt động sản xuất, khiến giá cao su xuất khẩu sang nước này giảm. Điều này cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận cuối năm của ngành cao su Việt Nam.

Bên cạnh đó, các biện pháp hạn chế mới để phòng chống Covid-19 cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất công nghiệp và tiêu thụ. Dự đoán, giá cao su sẽ phục hồi trở lại sau khi chính phủ Trung Quốc cam kết đưa ra các chính sách theo từng giai đoạn để ổn định kinh tế và phục hồi tiêu dùng.

6. Sắn và sản phẩm từ sắn

Tinh bột sắn của Việt Nam vẫn tạm dừng thông quan qua lối mở Km3+4 Hải Yên/Chợ biên mậu Đông Hưng và cửa khẩu Ka Long/Bến biên mậu Đông Hưng. Phía Đông Hưng (Trung Quốc) siết chặt hơn nữa các biện pháp phòng chống dịch do các ca nhiễm Covid-19 tăng đột biến. Điều này ảnh hưởng rất lớn tới xuất khẩu sắn của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 8/2022

Sản phẩm	Tháng 8.2022 (USD)	Tăng/giảm so T7/2022	Tăng/giảm so T8/2021	Tỷ trọng (%)
Tổng XKNLTS	964.182.995	21,0%	38,2%	100,0%
Cà phê	6.804.053	-31,9%	-35,1%	0,7%
Cao su	241.071.026	9,5%	8,7%	25,0%
Chè	1.368.616	-7,6%	18,7%	0,1%
Gạo	26.473.688	82,1%	-30,6%	2,7%
Gỗ và SP Gỗ	280.997.583	34,3%	197,3%	29,1%
Rau quả	94.374.210	19,0%	-8,4%	9,8%
Hàng thủy sản	142.833.666	33,3%	101,0%	14,8%
Hạt điều	44.020.517	-3,1%	-9,4%	4,6%
Mây tre đan	647.598	4,3%	11,3%	0,1%
SP từ cao su	90.907.042	12,7%	14,0%	9,4%
Sắn & SP sắn	34.684.996	21,2%	21,8%	3,6%
TÀGS & NL	6.804.053	-31,9%	-35,1%	0,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 8/2022

Loại sản phẩm	Tháng 8/2021		Tháng 8/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo nếp	84.750	35.170.279	36.013	16.958.755	-57,5%	-51,8%
Gạo thơm	2.667	1.622.832	17.591	9.230.318	559,6%	468,8%
Gạo trắng	3.593	1.339.196	500	215.000	-86,1%	-83,9%
Gạo Japonica	0	0	119	69.615	n/a	n/a

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 8/2022

Mặt hàng	T8/2021 (USD)	T8/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Tổng giá trị XK	10.485.258	6.801.481	-35,13%
Chưa rang chưa khử cafein	6.679.878	1.560.478	-76,64%
Cà phê tan	1.692.488	3.385.758	100,05%
Khác	1.994.691	1.771.632	-11,18%
Đã rang chưa khử cafein	112.668	83.212	-26,14%
Đã rang đã khử cafein	5.533	400	-92,76%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 8/2022

Sản phẩm	T8/2021 (USD)	T8/2022 (USD)	So sánh T8.2022/T8.2021
Tổng giá trị XK	103.056.041	94.374.210	-8,4%
Thanh long	56.658.779	42.686.275	-24,7%
Dừa	5.376.633	11.038.769	105,3%
Chuối	7.631.864	6.280.559	-17,7%
Mít	6.328.803	5.378.891	-15,0%
Chanh leo	4.575.651	3.477.284	-24,0%
Xoài	1.309.271	1.236.746	-5,5%
Hạt macca	166.573	1.078.227	547,3%
Sầu riêng	643.789	835.234	29,7%
Vải	333.281	496.182	48,9%
Chôm chôm	27.108	58.763	116,8%
Dưa hấu	10.494	-	-100,0%
Nhãn	4.297.976	-	-100,0%
Khác	15.695.819	21.807.280	38,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2022

Loại sản phẩm	Tháng 8/2022 (USD)	Tháng 8/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Tổng	142,833,666.0	71,069,569.0	101.0%
Cá da trơn	53,884,225.9	20,846,945.9	158.5%
Cua, ghe	5,229,209.5	4,769,038.1	9.6%
Mực và bạch tuộc	6,483,327.7	4,159,701.5	55.9%
Tôm	34,929,124.2	31,068,022.2	12.4%
Thủy sản khác	41,470,365.5	10,085,379.7	311.2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc tháng 8/2022

Sản phẩm	T8.2021 (USD)	T8.2022 (USD)	So sánh T8.2022/T8.2021
Tổng giá trị XK	79.750.420	90.907.042	14%
Tinh bột sắn	75.478.727	89.390.230	18%
Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	4.271.693	1.510.357	-65%
Sản phẩm sắn chế biến	-	6.455	

Nguồn: Tổng cục Hải quan